

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ M'GAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2021/HNGĐ-ST

Ngày 15 – 10 - 2021

“V/v: Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ M'GAR, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Việt Tuấn

Các hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Duy Thanh, bà H Lum Niê

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Oanh – Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 10 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 193/2021/TLST–HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2021 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2021/QĐST-HNGĐ ngày 29/9/2021, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Phùn Nhì M - Sinh năm 1983 (Có mặt)

*** Bị đơn:** Ông Chứ A U - Sinh năm: 1982 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn S, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn Phùn Nhì M trình bày:

Bà và ông Chứ A U tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk ngày 08/10/2007.

Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do không hợp tính nết, không thông cảm cho nhau nên thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau. Mặt khác, ông U không lo làm ăn, chỉ chơi bởi rượu chè, không quan tâm chăm sóc cho gia đình. Bà M đã nhiều lần khuyên can ông U từ bỏ rượu chè nhưng ông U không đồng ý. Việc vợ chồng thường xuyên xích mích gia đình hai bên, hàng xóm ai cũng biết và cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả. Từ năm 2016 đến nay bà M và ông U không chung sống với nhau nữa. Nay bà M cảm

thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị ly hôn với ông Cháu A U.

Về con chung: Bà M và ông U có 03 con chung là cháu Cháu Thị Hà V, sinh ngày 13/7/2002; cháu Cháu Huy H, sinh ngày 21/01/2004; cháu Cháu Tiến K, sinh ngày 27/9/2005. Khi ly hôn, bà có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu H và cháu K đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Cháu V đã trên 18 tuổi sống tự lập nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi dưỡng. Hiện bà M là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai cháu H và K. Bà M làm công nhân với thu nhập khoảng 10.000.000đồng/tháng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Cháu A U: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự và các văn bản tố tụng cho ông Cháu A U nhưng ông U đều không đến Tòa án làm việc nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai của ông U được.

Tại Biên bản xác minh ngày 13/7/2021 tại xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk thể hiện: Ông Cháu A U hiện cư trú tại Thôn S, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, trong quá trình chung sống, giữa bà M và ông U thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông U rượu chè, không quan tâm chăm sóc vợ con, từ năm 2016 thì bà M, ông U không chung sống với nhau nữa.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng, đồng thời phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, thu thập chứng cứ, xác định tư cách của những người tham gia tố tụng, thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn bà Phùn Nhì M đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Cháu A U không chấp hành nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phùn Nhì M, bà Phùn Nhì M được ly hôn ông Cháu A U.

Về con chung: Giao cháu Cháu Huy H (Sinh ngày 21/01/2004) và cháu Cháu Tiến K (Sinh ngày 27/9/2005) cho bà Phùn Nhì M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về án phí: Bà Phùn Nhì M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn giữa nguyên đơn là bà Phùn Nhì M và bị đơn là ông Cháu A U có địa chỉ tại Thôn S, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với bị đơn ông Cháu A U đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt đối với ông Cháu A U là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phùn Nhì M và ông Cháu A U tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn ngày 08/10/2007 tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Do đó, bà M yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Theo lời khai của nguyên đơn và biên bản xác minh tại địa phương thể hiện trong thời gian chung sống, vợ chồng bà M và ông U thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hòa hợp, ông U thường xuyên nhậu nhẹt, không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ con, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Do đó, hôn nhân giữa bà M và ông U đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phùn Nhì M là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Bà M và ông U có 03 con chung là cháu Cháu Thị Hà V (Sinh ngày 13/7/2002); cháu Cháu Huy H (Sinh ngày 21/01/2004) và cháu Cháu Tiên K (Sinh ngày 27/9/2005). Đối với cháu Cháu Thị Hà V đã đủ 18 tuổi, trưởng thành và sống tự lập nên bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi dưỡng và cấp dưỡng. Bà M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H và cháu K đến khi các cháu đủ 18 tuổi, xét yêu cầu của đương sự cũng như điều kiện để chăm sóc con chung thì bà M có đủ điều kiện chăm sóc con tốt hơn, cháu H và cháu K đều có nguyện vọng được ở với mẹ là bà Phùn Nhì M. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu H và cháu K cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. Về án phí: Bà Phùn Nhì M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phùn Nhì M

Bà Phùn Nhì M được ly hôn với ông Cháu A U.

2. Về con chung:

Giao cháu Cháu Huy H (Sinh ngày 21/01/2004) và cháu Cháu Tiến K (Sinh ngày 27/9/2005) cho bà Phùn Nhì M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Ông Cháu A U có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí: Bà Phùn Nhì M phải chịu 300.000đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ khấu trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001155 ngày 19/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- UBND xã E;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Việt Tuấn